TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2024/TLST-HNGĐ	*Quận 5, ngày 29 tháng 07 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự ;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 167/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 06 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số F V, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1999

Địa chỉ: Số A N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2018 (Giấy chứng nhận kết hôn số 57, đăng ký ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Sau thời gian chung sống, ông bà không có con và xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai bên cùng thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phát sinh việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có con chung nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Đặng Thanh T, bà Nguyễn Thị Cẩm H chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 7 năm 2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 57, đăng ký ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường A1, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H không có nợ chung, nghĩa vụ dân sự chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Đặng Thanh T và bà Nguyễn Thị Cẩm H mỗi người chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông T, bà H đã nộp đủ lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai ký hiệu BLTU/23P số 0036232 ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Mai Thị Thái Hoà